

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Bản án số: 18/2022/HC-ST

Ngày 26-8-2022

*“Về khiếu kiện quyết định hành chính”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Thảo Nguyên;

Ông Nguyễn Ngọc Lương.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Long - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022, tại Hội trường xét xử - Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 22/2022/TLST-HC ngày 20 tháng 5 năm 2022, về *“Khiếu kiện quyết định hành chính”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2022/QĐXXST-HC ngày 12 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Bà Lê Thị Minh T; địa chỉ: Thôn A, xã B, thị xã C, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:* Ông Võ Ngọc M và bà Mai Thị Tuyết N - Luật sư thuộc văn phòng Luật sư Tín Pháp; địa chỉ: 04, đường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Ông Võ Ngọc M vắng mặt, bà Mai Thị Tuyết N có mặt.

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân thị xã C, tỉnh Quảng Trị, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phạm Khánh M, địa chỉ: Thôn A, xã B, thị xã C, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Theo đơn khởi kiện ngày 23/4/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người khởi kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày:

Vào năm 2005, bà Lê Thị Minh T và ông Phạm Khánh M mua cây và đất của ông Mai Văn C, bà Nguyễn Thị Trâm A (lúc đó ông C, bà A là công nhân của Lâm

Trường Triệu H), diện tích mua khoảng 2,5 ha với giá 13.500.000 đồng. Lúc đó, do diện tích đất xung quanh là đất hoang nên bà T đã khai hoang thêm (*tổng diện tích mua và khai hoang là 41.499m<sup>2</sup>*). Năm 2013, bà T và ông M chuyển nhượng cho ông Nguyễn Đức H với diện tích 20.476m<sup>2</sup>. Diện tích còn lại 20.973m<sup>2</sup>, tại thửa 16, tờ bản đồ 26; địa chỉ: Bằng Cây Trâm, xã H, thị xã C được UBND thị xã C cấp giấy CNQSD đất số BH 736775 ngày 29/7/2013 cho bà Lê Thị Minh T, ông Phạm Khánh M.

Như vậy, thửa đất trên của bà T, ông M có nguồn gốc rõ ràng (*nhận chuyển nhượng và khai hoang*), được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy CNQSD đất hợp pháp. Tháng 4/2022, bà T nghe tin giấy CNQSD đất số BH 736775 ngày 29/7/2013 do UBND thị xã C cấp cho bà T, ông M đã bị thu hồi nên bà đến liên hệ với cơ quan có thẩm quyền và được giao Quyết định số 846/QĐ-UBND ngày 18/8/2021 về việc thu hồi giấy CNQSD đất số BH 736775.

Thấy rằng quyết định 846/QĐ-UBND ngày 18/8/2021 về việc thu hồi giấy CNQSD đất là quyết định trái pháp luật, vì các lý do sau:

Thứ nhất: Quyết định 846/QĐ-UBND ngày 18/8/2021 căn cứ vào Kết luận thanh tra số 112/KL-UBND ngày 31/12/2019 của Thanh tra UBND thị xã Quảng Trị về việc chấp hành pháp luật về quản lý, sử dụng đất đai trên địa bàn xã B từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2018 nhưng bà T và ông M được Nhà nước cấp giấy CNQSD đất từ năm 2013. Sau khi được cấp giấy gia đình bà T, ông M không hề vi phạm việc sử dụng đất và không thuộc trường hợp bị thu hồi đất theo quy định tại các Điều 61, 62, 63, 64 và 65 của Luật đất đai.

Thứ hai: Thửa đất có nguồn gốc mua lại của ông C, bà A và khai hoang, sau đó được Nhà nước cấp giấy CNQSD đất. Gia đình bà T, ông M chưa được Nhà nước giao đất nhưng tại kết luận thanh tra cho rằng ông M không thuộc đối tượng giao đất là nhầm lẫn khi áp dụng khoản 2 Điều 70 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ.

Từ những nội dung trên, bà T yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 846/QĐ-UBND ngày 18/8/2021 của UBND thị xã C về việc thu hồi giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 736775 của bà Lê Thị Minh T, ông Phạm Khánh M.

2. Theo văn bản trình bày ý kiến ngày 15/6/2022, người bị kiện Ủy ban nhân dân thị xã C trình bày:

+ Vào khoảng năm 1979-1980, Lâm trường Triệu H (Nay là Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Triệu H) thành lập đội sản xuất số 1. Để đảm bảo cho hoạt động sản xuất, Lâm trường đã mượn UBND xã B khoảng 23 ha đất. Quá trình mượn, Lâm trường đã sử dụng 1,5 ha để làm vườn ươm và xây dựng trụ sở, phần diện tích còn lại được một số hộ dân xã B và công nhân Lâm trường khai phá trồng rừng (*trong đó có ông Mai Văn C công nhân đội sản xuất 1 - Lâm trường, sau này là người bán cho bà T, ông M diện tích đất trên*).

+ Ngày 17/7/2000, ông C có đơn xin mượn 4 ha đất để trồng rừng. Đến năm

2005, ông C bán lại cây lâm nghiệp (*không nhượng đất*) cho ông Nguyễn Đức H và ông Phạm Khánh M theo giấy bán cây ngày 13/11/2005. Như vậy, nguồn gốc đất ông C sử dụng để bán cho bà Thủy, ông M được xác định là đất UBND xã quản lý và cho Lâm trường mượn (*Theo công văn số 247 ngày 08/11/2017 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Triệu H về việc trả lại đất đã mượn cho xã B*).

+ Sau khi mua lại cây lâm nghiệp, năm 2006 bà T, ông M có đơn xin cấp giấy CNQSD đất. Tại đơn xin cấp giấy CNQSD đất ngày 17/8/2006 của ông M được UBND xã B xác nhận nguồn gốc đất là đất chưa giao, đề nghị giao mới và được UBND huyện Hải Lăng cấp giấy CNQSD đất với diện tích 41.449m<sup>2</sup>.

+ Việc UBND xã B và Phòng tài nguyên và môi trường huyện Hải Lăng tham mưu cấp giấy CNQSD đất cho hộ ông M (*thời điểm năm 2006, ông Phạm Khánh M giữ chức vụ Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh xã B, có vợ là bà Lê Thị Minh T công nhân Lâm trường theo xác nhận tại Công văn số 80/Cv-UBND ngày 28/10/2019 của UBND xã B*) trong diện tích đất Lâm trường đang mượn là không đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại khoản 2 Điều 70 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ: “...2. Những địa phương chưa thực hiện việc giao đất để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối cho hộ gia đình, cá nhân theo quy định của pháp luật về đất đai thì Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có đất lập phương án đề nghị Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh giao đất nông nghiệp cho nhân khẩu có nguồn sống chính bằng sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối thường trú tại địa phương kể cả những người đang làm nghĩa vụ quân sự...”

Từ những lý do trên, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị giải quyết vụ án theo đúng quy định pháp luật.

*Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Từ khi thụ lý đến khi mở phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách người tham gia tố tụng. Tiến hành thu thập, kiểm tra giao nộp, công khai chứng cứ, thủ tục đối thoại và quyết định đưa vụ án ra xét xử. Việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu thực hiện đúng quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định Luật tố tụng hành chính; trình tự, thủ tục phiên tòa đảm bảo theo quy định Luật tố tụng hành chính.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật tố tụng hành chính, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Minh T về hủy Quyết định số 846/QĐ-UBND ngày 18/8/2021 của UBND thị xã C về việc thu hồi giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 736775 của bà Lê Thị Minh T, ông Phạm Khánh M.

- Về án phí: UBND thị xã C phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và chi phí tố tụng khác theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử thấy:*

### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

- Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại vào các ngày 03/3/2021 và 25/3/2021 nhưng do người bị kiện vắng mặt nên không thể đối thoại được. Vì vậy, Tòa án tiến hành các thủ tục để mở phiên tòa xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 140 của Luật Tố tụng hành chính.

- Tại phiên tòa, người bị kiện UBND thị xã C có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 158 của Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người bị kiện.

### **[2] Về quyền khởi kiện:**

Ngày 29/7/2013, UBND thị xã Quảng Trị cấp giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 736775 cho bà Lê Thị Minh T, ông Phạm Khánh M. Ngày 18/8/2021, UBND thị xã C ban hành Quyết định số 846/QĐ-UBND về việc thu hồi giấy CNQSD đất số BH 736775 của bà T, ông M nên bà Thủy cho rằng việc UBND thị xã Quảng Trị ban hành quyết định thu hồi đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Thủy, ông M. Căn cứ Điều 115 của Luật tố tụng hành chính bà Thủy có quyền khởi kiện vụ án theo quy định pháp luật.

**[3] Về đối tượng khởi kiện:** Ngày 23 tháng 4 năm 2022, bà Lê Thị Minh T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy Quyết định số 846/QĐ-UBND ngày 18/8/2021 của UBND thị xã C về việc thu hồi giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 736775 của bà Lê Thị Minh T, ông Phạm Khánh M. Căn cứ quy định tại khoản 1, 2 Điều 3 của Luật tố tụng hành chính xác định đối tượng khởi kiện trong vụ án là Quyết định số 846/QĐ-UBND ngày 18/8/2021 của UBND thị xã C về việc thu hồi giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 736775.

**[4] Về thẩm quyền giải quyết:** Bà Lê Thị Minh T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 846/QĐ-UBND ngày 18/8/2021 của UBND thị xã C về việc thu hồi giấy CNQSD đất số BH 736775. Căn cứ các điều 30, 32 của Luật tố tụng hành chính, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định pháp luật.

### **[5] Về thời hiệu khởi kiện:**

Ngày 18/8/2021, UBND thị xã C ban hành Quyết định số 846/QĐ-UBND ngày 18/8/2021 của UBND thị xã C về việc thu hồi giấy CNQSD đất số BH 736775 ngày 29/7/2013 cấp cho bà Lê Thị Minh T, ông Phạm Khánh M. Ngày 23/4/2022, bà T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 846/QĐ-UBND ngày 18/8/2021 của UBND thị xã C. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật tố tụng hành chính quy định thì thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

***[6] Về tính hợp pháp của việc ban hành Quyết định 846/QĐ-UBND ngày 18/8/2021 của UBND thị xã C:***

***[6.1] Về thẩm ban hành quyết định hành chính:***

Ngày 18/8/2021, UBND thị xã C ban hành Quyết định số 846/QĐ-UBND về việc thu hồi giấy CNQSD đất số BH 736775 cấp cho bà Lê Thị Minh T, ông Phạm Khánh M ngày 29/7/2013 là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 106 Luật đất đai năm 2013.

***[6.2] Về trình tự, thủ tục ban hành quyết định hành chính:***

Ngày 31/12/2019, Thanh tra thị xã C ban hành Kết luận số 112/KL-UBND việc chấp hành pháp luật về quản lý, sử dụng đất đai trên địa bàn xã B từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2018 và cho rằng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 736775 ngày 29/7/2013 do UBND thị xã C cấp không đúng trình tự thủ tục và không đúng đối tượng giao đất. Trên cơ sở đó, ngày 18/8/2021 UBND thị xã C ban hành Quyết định số 846/QĐ-UBND về việc thu hồi giấy CNQSD đất số BH 736775 cấp cho bà Lê Thị Minh T, ông Phạm Khánh M ngày 29/7/2013. Theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 87 của Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định “...nếu kết luận là Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật thì thông báo cho người sử dụng đất biết rõ lý do; sau 30 ngày kể từ ngày gửi thông báo cho người sử dụng đất mà không có đơn khiếu nại thì ra Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp” được sửa đổi, bổ sung tại điểm b Điều 56 Nghị 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính Phủ quy định: “...b.Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất phát hiện Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật về đất đai thì kiểm tra lại, thông báo cho người sử dụng đất biết rõ lý do và quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định;...”. Tuy nhiên, UBND thị xã C không có thông báo thu hồi giấy CNQSD đất, không kiểm tra hiện trạng sử dụng đất, chưa giải quyết tài sản trên đất nhưng lại ban hành Quyết định số 846/QĐ-UBND về việc thu hồi giấy CNQSD đất là không đúng trình tự, thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lê Thị Minh T, ông Phạm Khánh M (vì theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15/7/2022 thể hiện: Thửa đất số 16, tờ bản đồ 26, diện tích 20.973m<sup>2</sup> đang do bà T, ông M sử dụng trồng cây keo, mật độ bình quân 3.000 đến 3.300 cây/ha, cây có độ tuổi từ 4 đến 5 năm tuổi).

Mặt khác, tại Kết luận thanh tra số 112/KL-UBND ngày 31/12/2019 có nội dung: “Yêu cầu UBND xã phối hợp với Phòng TN & MT và các cơ liên quan, tham mưu việc thu hồi đất và hủy giá trị pháp lý đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 736775 ngày 29/7/2013, do UBND thị xã C đã cấp cho ông Phạm Minh Khánh và bà Lê Thị Minh T...Riêng trường hợp thu hồi giấy CNQSD đất của bà Thủy, ông M thì UBND xã cần xem xét trong việc đề nghị cấp lại diện tích đã thu hồi cho hộ gia đình sau khi hộ gia đình chấp nhận phương án giải quyết của UBND xã” nhưng UBND xã, Phòng TN & MT không thực hiện theo kết luận của Đoàn thanh tra

gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phạm Minh Khánh và bà Lê Thị Minh T.

[6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy việc UBND thị xã Quảng Trị ban hành Quyết định số 846/QĐ-UBND ngày 18/8/2021 về việc thu hồi giấy CNQSD đất số BH 736775 của bà Lê Thị Minh Thủy, ông Phạm Khánh Minh là đúng thẩm quyền nhưng không đúng về mặt trình tự, thủ tục làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Thủy, ông M. Vì vậy, cần thống nhất với quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị, chấp nhận câu khởi kiện của bà Lê Thị Minh Thủy về hủy Quyết định số 846/QĐ-UBND ngày 18/8/2021 của UBND thị xã Quảng Trị về việc thu hồi giấy CNQSD đất số BH 736775 của bà Lê Thị Minh Thủy, ông Phạm Khánh Minh ngày 29/7/2013.

[7] Về án phí và chi phí xem xét thẩm định: Do yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Minh Thủy được Tòa án chấp nhận nên không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và chi phí xem xét thẩm định. Buộc người bị kiện UBND thị xã Quảng Trị phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và chi phí thẩm định theo quy định của pháp luật. Chi phí xem xét thẩm định là 2.300.000 đồng, do bà Thủy nộp đủ nên buộc UBND thị xã Quảng Trị phải trả lại cho bà Thủy số tiền 2.300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 3, Điều 30, Điều 32, Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 348, khoản 1 Điều 358, khoản 1 Điều 359, điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật tổ tụng hành chính; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Minh Thủy:

- Hủy Quyết định số 846/QĐ-UBND ngày 18/8/2021 của UBND thị xã Quảng Trị về việc thu hồi giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 736775 của bà Lê Thị Minh Thủy, ông Phạm Khánh Minh ngày 29/7/2013.

2. Về án phí: Buộc UBND thị xã Quảng Trị phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm. Trả lại cho bà Lê Thị Minh Thủy số tiền 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000102 ngày 11/5/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.300.000 đồng. Do bà Lê Thị Minh Thủy đã nộp tạm ứng để chi trả nên buộc UBND thị xã Quảng Trị phải hoàn trả lại cho bà Thủy số tiền 2.300.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Người khởi kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người

bị kiện vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKS tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS t.Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV;
- Tổ HCTP;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**( Đã ký)**

**Trần Văn Phương**